

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
KHO HẢI PHÒNG**

Thời gian quan trắc: Ngày 23 tháng 5 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC



GIÁM ĐỐC
BÙI TUẤN ANH

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TƯ VẤN KHCN
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THỦY



GIÁM ĐỐC
TS. Trần Anh Tuấn

Hải Phòng, tháng 5 năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU	4
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	4
DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA.....	5
MỞ ĐẦU.....	6
CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC.....	7
1.1. Tổng quan vị trí quan trắc	7
1.2. Mô tả địa điểm quan trắc	8
CHƯƠNG II. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC	10
3.1. Kết quả đo đạc và thử nghiệm thành phần môi trường không khí.....	10
3.2. Kết quả đo đạc và thử nghiệm thành phần nước thải	13
CHƯƠNG III. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QA/QC.....	15
4.1. Kết quả thực hiện QA/QC hiện trường	15
CHƯƠNG IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	19
PHỤ LỤC.....	21

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD ₅	: Biochemical oxygen demand (Nhu cầu oxy sinh hóa, sau 5 ngày)
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
COD	: Chemical oxygen demand (Nhu cầu oxy hóa học)
HC	: Hydrocacbon
KHCN	: Khoa học công nghệ
QA	: Quality assurance (Đảm bảo chất lượng)
QC	: Quality control (Kiểm soát chất lượng)
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
RPD	: Relative Percent Difference (Phần trăm sai khác tương đối)
SMEWW	: Standard Method for Examination of Water and Wastewater (Phương pháp tiêu chuẩn phân tích mẫu nước và nước thải)
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TSS	: Total suspended solids (Tổng chất rắn lơ lửng)
USEPA Method:	Phương pháp phân tích do Cục bảo vệ môi trường Mỹ ban hành.

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Bảng phân công nhiệm vụ quan trắc và phân tích.....	5
Bảng 2. Danh mục điểm quan trắc.....	8
Bảng 3. Kết quả đo đặc mẫu QC hiện trường mẫu NT01.....	15
Bảng 4. Kết quả phân tích mẫu QC phòng thí nghiệm đối với mẫu NT01	17

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Diễn biến chất lượng bụi (1.a) và tiếng ồn (1.b) khu vực hoạt động sản xuất của kho Hải Phòng (tháng 11/2024 và tháng 5/2025)	10
Biểu đồ 2. Diễn biến chất lượng CO (2.a) và NO ₂ (2.b) khu vực hoạt động sản xuất của kho Hải Phòng (tháng 11/2024 và tháng 5/2025)	11
Biểu đồ 3. Diễn biến chất lượng SO ₂ (3.a) và NH ₃ (3.b) khu vực hoạt động sản xuất của kho Hải Phòng (tháng 11/2024 và tháng 5/2025)	11
Biểu đồ 4. Diễn biến chất lượng bụi (4.a) và tiếng ồn (4.b) khu vực xung quanh kho Hải Phòng (tháng 11/2024 và tháng 5/2025)	12
Biểu đồ 5. Diễn biến chất lượng CO, NO ₂ , SO ₂ khu vực xung quanh kho Hải Phòng (tháng 5/2024 và tháng 11/2025)	13
Biểu đồ 6. Diễn biến các thông số hữu cơ và sinh học trong nước thải của.....	14
kho Hải Phòng (tháng 5/2025 và tháng 11/2024)	14
Biểu đồ 7. Diễn biến hàm lượng các kim loại trong nước thải của kho Hải Phòng (tháng 5/2025 và tháng 11/2024)	14

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA

Người chịu trách nhiệm chính:

Phạm Thị Dương (TS. Hóa môi trường – Quản lý chất lượng và kỹ thuật).

Những người tham gia thực hiện:

Những người thực hiện báo cáo quan trắc bao gồm các cán bộ tham gia quan trắc tại hiện trường và phân tích tại phòng thử nghiệm được phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

Bảng 1. Bảng phân công nhiệm vụ quan trắc và phân tích

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Nhiệm vụ trong chương trình quan trắc
1	Sái Thị Hợi	KS. Kỹ thuật môi trường	Cán bộ quan trắc
2	Đặng Thanh Tùng	KS. Kỹ thuật môi trường	Cán bộ quan trắc
3	Phùng Tuấn Anh	KS. Công nghệ thông tin	Cán bộ quan trắc
4	Vũ Thị Hạnh	ThS. Công nghệ môi trường	Cán bộ phân tích
5	Đặng Thị Huyền	KS. Kỹ thuật môi trường	Cán bộ phân tích
6	Phạm Thị Thùy	KS. Kỹ thuật môi trường	Cán bộ quan trắc
7	Bùi Thị Huyền	KS. Kỹ thuật môi trường	Cán bộ phân tích

MỞ ĐẦU

Thực hiện Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014 và các quy định pháp luật về quan trắc môi trường, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc - Kho Hải Phòng đã phối hợp với Trung tâm Đào tạo và Tư vấn KHCN Bảo vệ Môi trường thuỷ tổ chức đợt quan trắc môi trường tại khu vực sản xuất và khu vực xung quanh chịu tác động từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của kho Hải Phòng vào ngày 23 tháng 5 năm 2025.

Chương trình quan trắc môi trường tại Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc - kho Hải Phòng bao gồm các nội dung sau:

- Xác định bụi toàn phần, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂, NH₃ các thông số vi khí hậu trong môi trường không khí khu vực hoạt động sản xuất kinh doanh của kho Hải Phòng.

- Xác định nồng độ bụi lơ lửng, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂ trong không khí khu vực xung quanh của kho Hải Phòng.

- Xác định các thông số trong thành phần nước thải tại điểm xả cuối cùng của kho Hải Phòng vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

Tần suất thực hiện giám sát chất lượng môi trường Công ty: 2 lần/năm.

Chương trình khảo sát, lập kế hoạch, quan trắc tại hiện trường, lấy mẫu và phân tích được thực hiện bởi Trung tâm Đào tạo và Tư vấn KHCN Bảo vệ Môi trường thuỷ (TCEP). Các mẫu giám sát chất lượng môi trường khu vực dự án được phân tích trong phòng thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu pháp lý về việc thực hiện quan trắc và phân tích chất lượng môi trường.

Báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường được lập theo Phụ lục 16, Thông tư 10/2021/TT-BTNMT Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Phòng thử nghiệm của Trung tâm Đào tạo và Tư vấn KHCN bảo vệ môi trường thuỷ đáp ứng đủ điều kiện quan trắc theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường với mã số VIMCERTS 094. Ngoài ra Trung tâm Đào tạo và Tư vấn KHCN bảo vệ môi trường thuỷ đã phối hợp: Công ty cổ phần công nghệ môi trường Hải Việt với mã số VIMCERTS 312.

Kết quả của đợt quan trắc môi trường này cho phép đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường trong các khu vực hoạt động sản xuất của kho Hải Phòng cũng như tại khu vực xung quanh chịu ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Từ đó đưa ra các biện pháp cụ thể để giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường và sức khoẻ con người, làm tốt hơn nữa công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất vì lợi ích cộng đồng và phát triển bền vững của kho Hải Phòng.

CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

1.1. Tổng quan vị trí quan trắc

a. Sơ lược về Công ty

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam – số 167 đường Trung Kính – phường Yên Hòa - quận Cầu Giấy – TP. Hà Nội.

Điện thoại: 02435378256

Fax: 02435378255

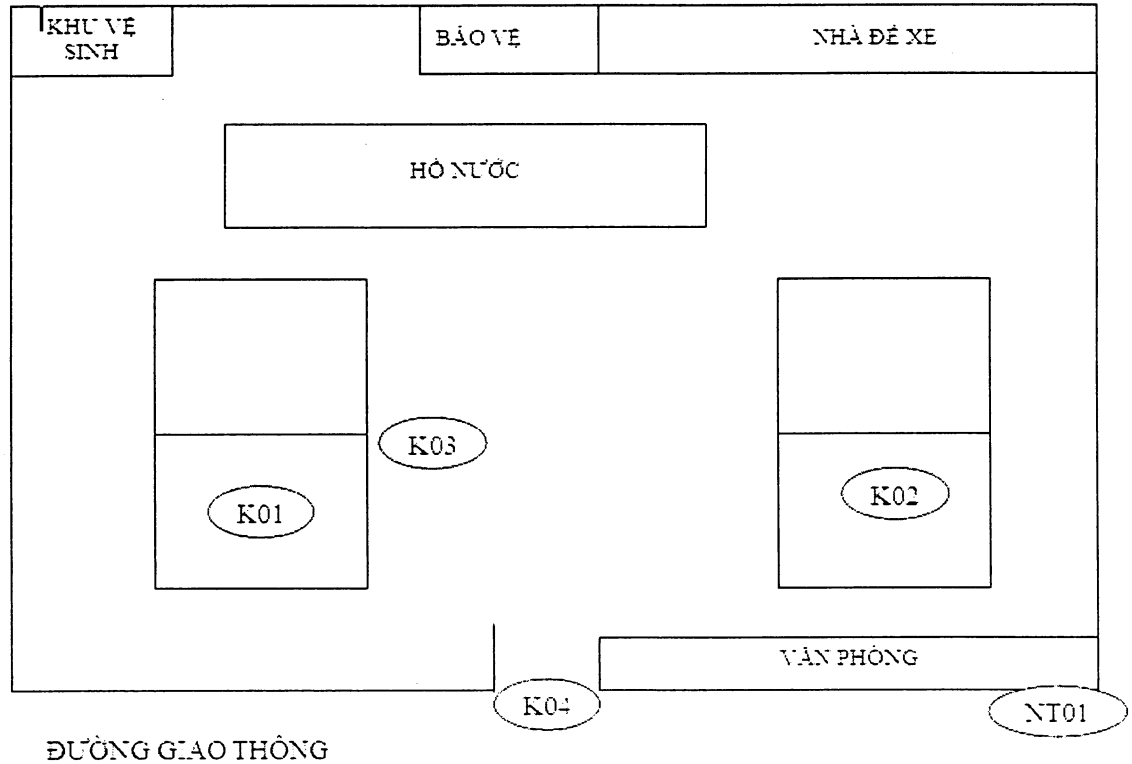
b. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh các sản phẩm phân bón và hóa chất sử dụng trong công - nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và thuốc bảo vệ thực vật);
- Kinh doanh nông, lâm sản và nguyên liệu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa;
- Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

* Kho Hải Phòng

- Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng
- Hoạt động kinh doanh: Kinh doanh phân bón và hóa chất
- Kho có sức chứa khoảng 8000 tấn
- Các loại chất thải phát sinh của kho Hải Phòng:
 - + Các khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông từ quá trình vận chuyển hàng hóa ra vào kho như CO, SO₂, NO_x, bụi, hơi xăng dầu.
 - + Khí thải phát sinh trong quá trình lưu kho phân bón như NH₃.
 - + Môi trường nước: Nước thải phát sinh của kho Hải Phòng chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại kho, lưu lượng thải 1m³/ngày.đêm.
 - + Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là bao bì, giấy, vỏ, thức ăn thừa, đầu mẩu thuốc lá, vỏ hộp nước ngọt, túi nilon ... Các loại chất thải này được công nhân môi trường đô thị thu gom hàng ngày.

Các mẫu giám sát chất lượng môi trường bao gồm mẫu nước thải và không khí. Sơ đồ vị trí khu vực quan trắc được thể hiện trong hình sau:



1.2. Mô tả địa điểm quan trắc

Trên cơ sở xác định các nguồn thải và quy mô hoạt động của kho Hải Phòng, Trung tâm Đào tạo và Tư vấn KHCN Bảo vệ Môi trường thủy đã tiến hành quan trắc và lấy mẫu tại các vị trí cụ thể như sau:

Bảng 2. Danh mục điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Toạ độ		Tên sông, hồ
					X	Y	
I	MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ						
1	Điểm 01	K01	Nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, bụi toàn phần, CO, SO ₂ , NO ₂ , NH ₃ , tiếng ồn	Kho số 1	2310002	589021	
2	Điểm 02	K02		Kho số 2	2319994	589043	
3	Điểm 03	K03		Khu vực trung chuyển	2310008	589034	
4	Điểm 04	K04	Bụi lơ lửng, CO, SO ₂ , NO ₂ , tiếng ồn	Khu vực phía ngoài cổng kho Hải Phòng	2309967	589012	

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Toạ độ		Tên sông, hồ
					X	Y	
II	MÔI TRƯỜNG NƯỚC						
1	Điểm 01	NT01	Nhiệt độ, pH, COD, BOD ₅ , TSS, Tổng N, tổng P, N-NH ₄ ⁺ , Cd, Pb, Cu, Zn, Mn, Fe, Hg, As, Dầu mỡ khoáng, Coliform	Nước thải tại điểm xả cuối của kho Hải Phòng	2309946	589016	

CHƯƠNG II. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC

3.1. Kết quả đo đạc và thử nghiệm thành phần môi trường không khí

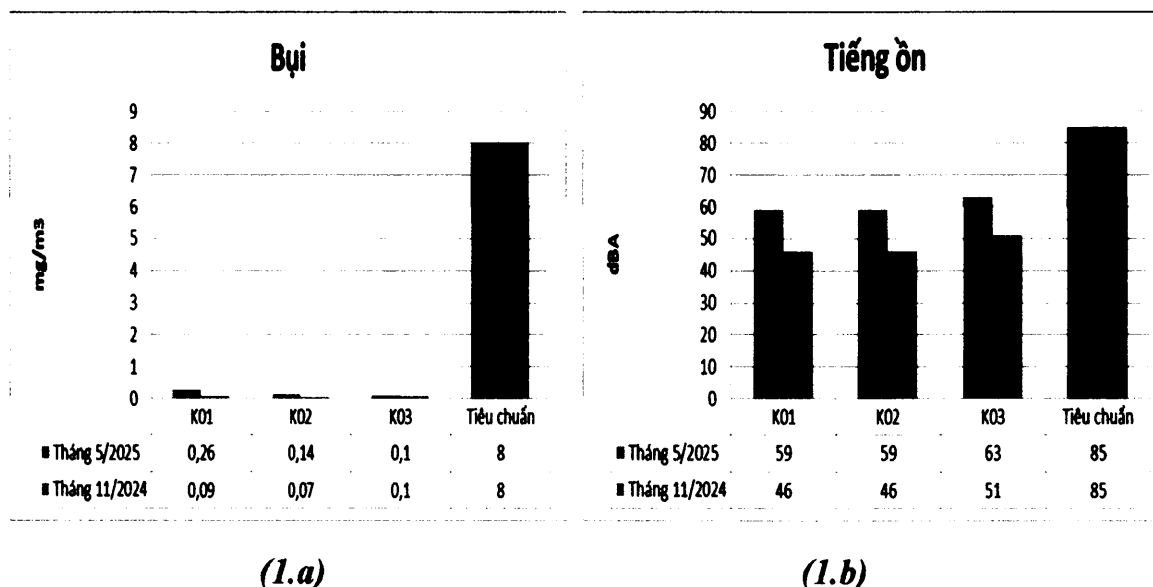
Việc quan trắc môi trường không khí khu vực hoạt động của kho Hải Phòng và khu vực xung quanh được tiến hành bằng cách dùng thiết bị định chuyên dụng, tiến hành lấy mẫu, đo đạc các thông số vi khí hậu như: nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng.

Các thông số còn lại được lấy mẫu, bảo quản cùng với mẫu hiện trường và vận chuyển về phòng thử nghiệm của Trung tâm Đào tạo và Tư vấn KHCN Bảo vệ môi trường thủy để phân tích.

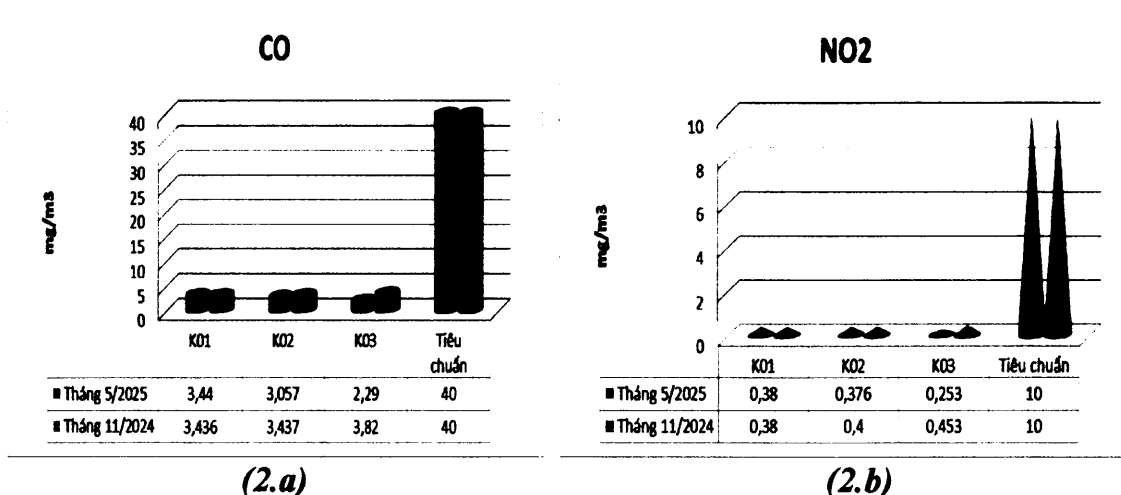
Kết quả đo đạc và thử nghiệm mẫu khí được thể hiện trong Phụ lục của báo cáo này và phiếu kết quả.

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí được so sánh với các kết quả quan trắc của tháng 11 năm 2024 để đánh giá diễn biến chất lượng môi trường do sự tác động của hoạt động sản xuất của Công ty.

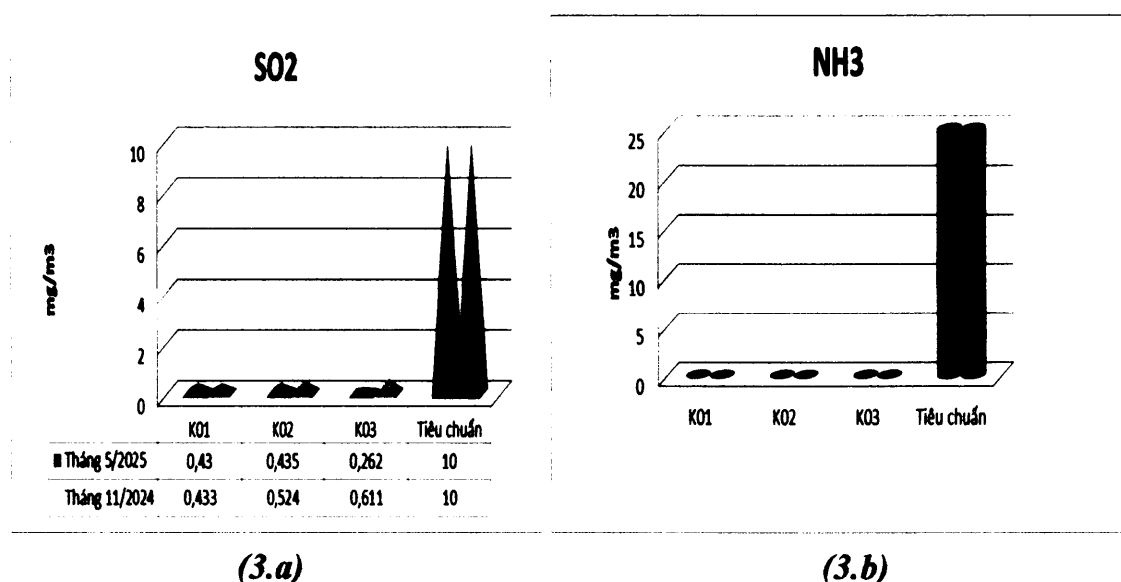
3.1.1. Diễn biến một số thông số chính về thành phần chất lượng không khí khu vực hoạt động sản xuất của kho Hải Phòng



Biểu đồ 1. Diễn biến chất lượng bụi (1.a) và tiếng ồn (1.b) khu vực hoạt động sản xuất của kho Hải Phòng (tháng 11/2024 và tháng 5/2025)



Biểu đồ 2. Diễn biến chất lượng CO (2.a) và NO₂ (2.b) khu vực hoạt động sản xuất của kho Hải Phòng (tháng 11/2024 và tháng 5/2025)



Biểu đồ 3. Diễn biến chất lượng SO₂ (3.a) và NH₃ (3.b) khu vực hoạt động sản xuất của kho Hải Phòng (tháng 11/2024 và tháng 5/2025)

*** Nhận xét:**

- Các thông số vi khí hậu tại khu vực sản xuất đều thỏa mãn giới hạn cho phép theo QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- Thông số ánh sáng tại khu vực sản xuất đều thỏa mãn giới hạn cho phép theo QCVN 22:2016/BYT: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

- Thông số bụi toàn phần trong khu vực sản xuất của kho Hải Phòng tại tất cả 3/3 vị trí đo đạt thỏa mãn giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc (TWA giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi không chứa silic tại nơi làm việc, đối với bụi hữu cơ và vô cơ không có quy định khác – Giới hạn tiếp xúc ca làm việc).

- Thông số CO trong khu vực sản xuất của kho Hải Phòng tại tất cả 3/3 vị trí đo đặc thỏa mãn giới hạn cho phép theo QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca).

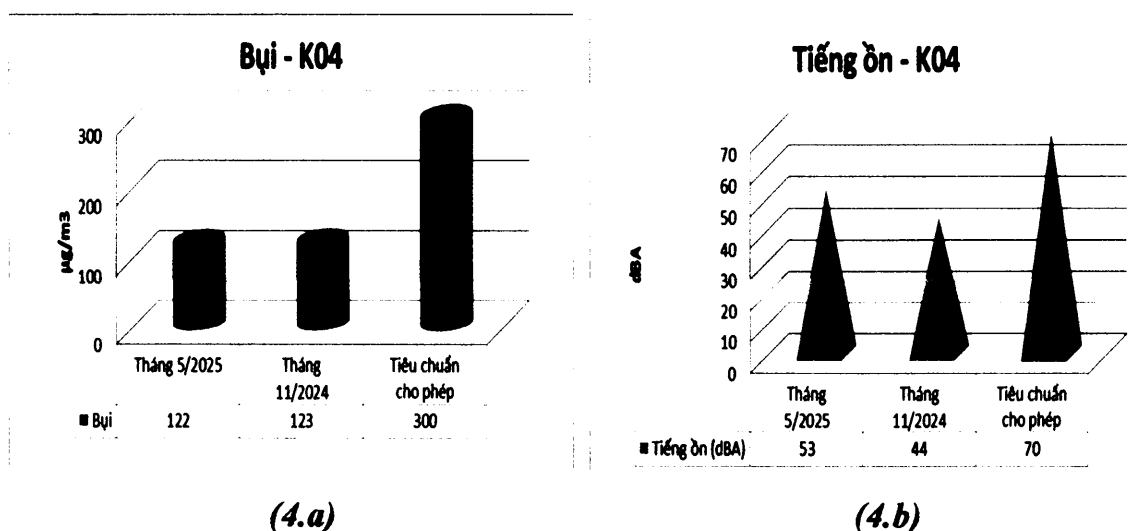
- Thông số SO₂ trong khu vực sản xuất của kho Hải Phòng tại tất cả 3/3 vị trí đo đặc thỏa mãn giới hạn cho phép theo QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca).

- Thông số NO₂ trong khu vực sản xuất của kho Hải Phòng tại tất cả 3/3 vị trí đo đặc thỏa mãn giới hạn cho phép theo QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca).

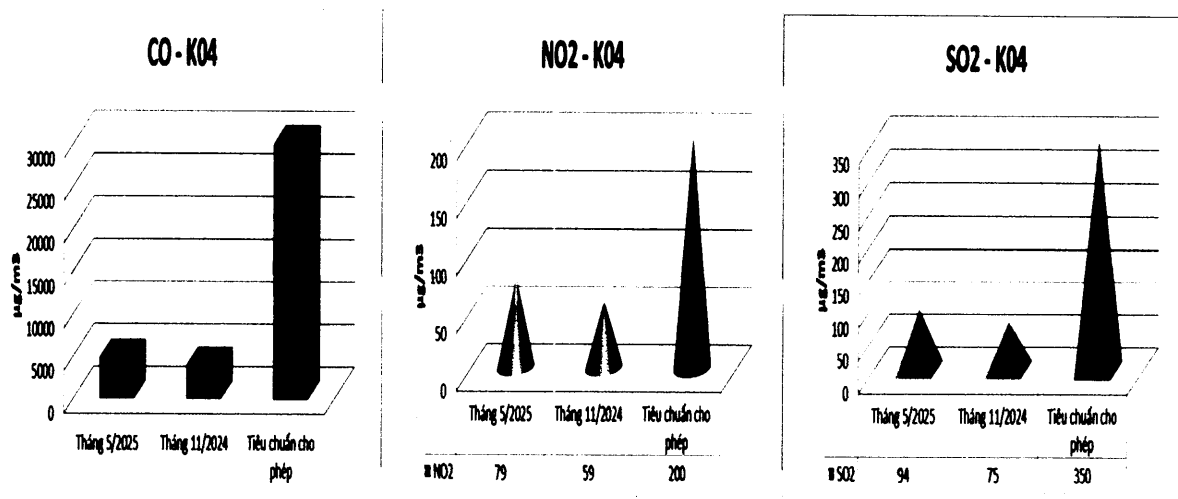
- Thông số NH₃ trong khu vực sản xuất của kho Hải Phòng tại tất cả 3/3 vị trí đo đặc đều thỏa mãn giới hạn cho phép theo QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca).

- Tiếng ồn trong khu vực sản xuất của kho Hải Phòng tại 3/3 vị trí đo đặc khu vực sản xuất đều thỏa mãn giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT.

3.1.2. Diễn biến một số thông số chính về thành phần chất lượng không khí khu vực xung quanh của kho Hải Phòng



Biểu đồ 4. Diễn biến chất lượng bụi (4.a) và tiếng ồn (4.b) khu vực xung quanh kho Hải Phòng (tháng 11/2024 và tháng 5/2025)



Biểu đồ 5. Diễn biến chất lượng CO, NO₂, SO₂ khu vực xung quanh kho Hải Phòng (tháng 5/2024 và tháng 11/2025)

* Nhận xét

- Thông số bụi lơ lửng, CO, NO₂, SO₂ trung bình tại khu vực cổng chính của kho Hải Phòng thỏa mãn giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05:2023/BTNMT.

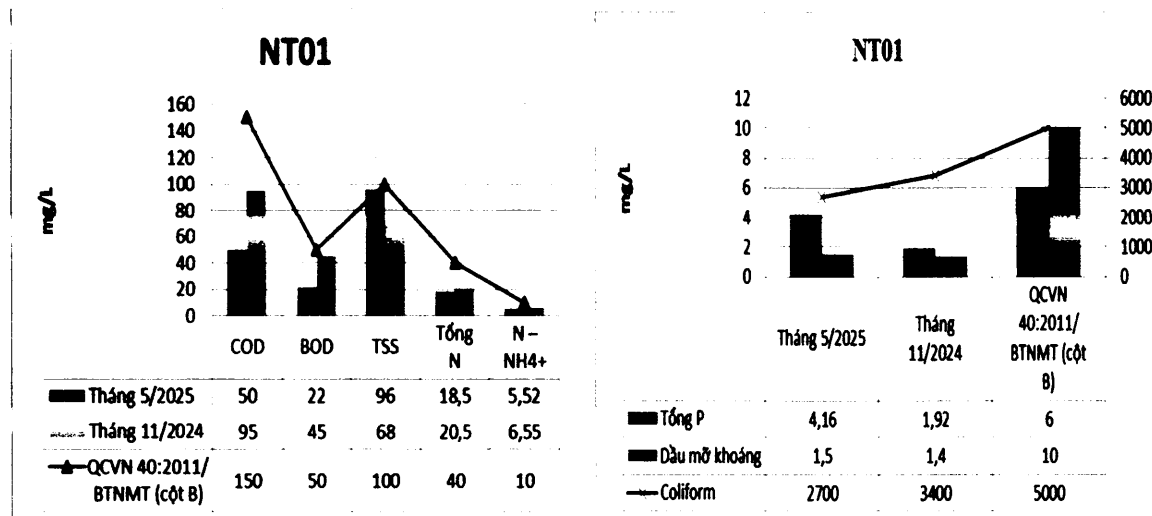
- Tiếng ồn tại khu vực cổng chính của kho Hải Phòng tại thời điểm quan trắc thỏa mãn giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT.

Theo các biểu đồ so sánh chất lượng môi trường không khí khu vực sản xuất và khu vực xung quanh của kho Hải Phòng cho thấy, tất cả các thông số được quan trắc trong đợt tháng 5/2025 không có sự thay đổi đáng kể so với tháng 11/2024. Tất cả các thông số đều thỏa mãn tiêu chuẩn cho phép hiện hành.

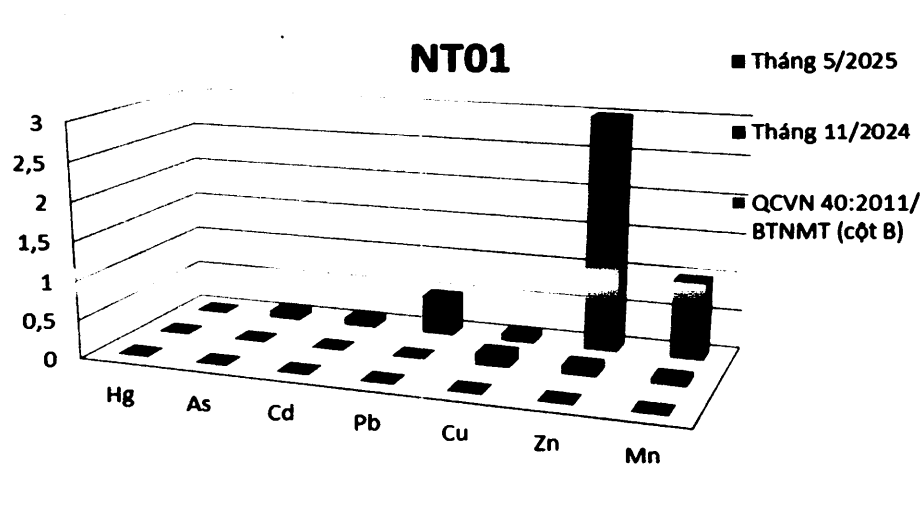
3.2. Kết quả đo đạc và thử nghiệm thành phần nước thải

Việc quan trắc thành phần nước thải của kho Hải Phòng được lấy mẫu bảo quản và vận chuyển về phòng thí nghiệm của Trung tâm Đào tạo và Tư vấn KHCN Bảo vệ Môi trường thủy để phân tích.

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước thải được so sánh với các kết quả quan trắc của tháng 5/2024 và được thể hiện trong các biểu đồ sau đây:



Biểu đồ 6. Diễn biến các thông số hữu cơ và sinh học trong nước thải của kho Hải Phòng (tháng 5/2025 và tháng 11/2024)



Biểu đồ 7. Diễn biến hàm lượng các kim loại trong nước thải của kho Hải Phòng (tháng 5/2025 và tháng 11/2024)

*** Nhận xét:**

Tất cả các thông số đo đạc và thử nghiệm thành phần mẫu nước thải của kho Hải Phòng thỏa mãn giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột B).

Kết quả giám sát chất lượng nước thải của đợt tháng 5 năm 2025 vừa qua cho thấy hàm lượng chất hữu cơ và kim loại nặng trong nước thải của kho Hải Phòng không có sự biến động đột ngột nào so với đợt tháng 11 năm 2024.

CHƯƠNG III. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QA/QC

4.1. Kết quả thực hiện QA/QC hiện trường

*** Đảm bảo chất lượng:**

- Để đảm bảo chất lượng trong quá trình lấy mẫu, xử lý và bảo quản mẫu tại hiện trường, nhóm quan trắc đã xác định đúng vị trí cần lấy mẫu; thực hiện lấy đầy đủ số lượng mẫu theo tần suất và thời gian quy định cho từng thông số. Phương pháp lấy mẫu, xử lý và bảo quản mẫu được sử dụng phù hợp với các thông số quan trắc theo TCVN về môi trường hoặc phương pháp tiêu chuẩn quốc tế khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận và áp dụng. Trang thiết bị được kiểm tra, hiệu chuẩn trước khi đưa ra hiện trường. Dụng cụ chứa mẫu phù hợp với từng thông số quan trắc và được dán nhãn. Trong quá trình quan trắc và lấy mẫu, lập báo cáo lấy mẫu trong thời gian lấy mẫu để ghi lại toàn bộ tiến trình lấy mẫu.

- Để đảm bảo và kiểm soát chất lượng trong quá trình đo thử tại hiện trường, tiến hành đo thử ngay sau khi lấy mẫu. Các mẫu kiểm soát chất lượng tại hiện trường bao gồm mẫu trắng, mẫu chuẩn được chứng nhận và mẫu lặp. Các kết quả đo được ghi lại trong biên bản thử nghiệm tại hiện trường theo biểu mẫu đã ban hành.

- Để đảm bảo chất lượng trong vận chuyển mẫu về phòng thí nghiệm, thời gian vận chuyển và nhiệt độ của mẫu thực hiện theo TCVN đối với từng thông số quan trắc và cách bảo quản mẫu. Mẫu được bàn giao cho cán bộ phòng thử nghiệm và ghi nhận trong biên bản bàn giao.

*** Kiểm soát chất lượng:**

Mẫu kiểm soát chất lượng đối với các thông số đo nhanh tại hiện trường (pH, nhiệt độ) được chọn là mẫu lặp hiện trường. Tiến hành kiểm tra thiết bị bằng mẫu chuẩn được chứng nhận trước khi đo đạc mỗi loạt mẫu.

Kết quả kiểm soát chất lượng tại hiện trường được thể hiện qua việc đo các mẫu lặp tại hiện trường. Kết quả đo đạc được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. Kết quả đo đạc mẫu QC hiện trường mẫu NT01

TT	Thông số	Đơn vị	Mẫu lặp hiện trường		
			NT01	Mẫu lặp	RPD (%)
1	Nhiệt độ	°C	28	28	0,00
2	pH	-	7,0	7,0	0,00

Kết quả đo đạc các mẫu QC hiện trường cho thấy các kết quả đo mẫu lặp có độ chụm tốt, thể hiện ở độ sai khác tương đối đều là 0%. Như vậy, các kết quả đo đạt độ tin cậy và đáp ứng yêu cầu về chất lượng thực hiện phép thử.

4.2. QA/QC trong phòng thí nghiệm

*** Đảm bảo chất lượng:**

Để đảm bảo chất lượng trong phân tích tại phòng thử nghiệm: sử dụng các phương pháp đã được tiêu chuẩn hoá phù hợp với yêu cầu quy định và đã được phê duyệt. Trang thiết bị của phòng thí nghiệm được hiệu chuẩn trước khi sử dụng. Việc vận hành và bảo dưỡng trang thiết bị do cán bộ có đủ năng lực đảm nhiệm. Phòng thử nghiệm thường xuyên tham gia các chương trình so sánh liên phòng thí nghiệm và chương trình thử nghiệm thành thạo để chứng minh sự phù hợp của các trang thiết bị liên quan; sử dụng các mẫu chuẩn hoặc chất chuẩn đã biết nồng độ từ các nhà cung cấp hoá chất chuẩn có uy tín và được chứng nhận để kiểm tra trang thiết bị. Các mẫu sau khi phân tích xong được lưu giữ và bảo quản trong thời gian theo quy định để sử dụng trong trường hợp cần kiểm tra lại.

Việc đo thử các mẫu được thực hiện bằng phương pháp tiêu chuẩn đã được phòng thí nghiệm phê duyệt, tiến trình thực hiện đối với từng thông số được thể hiện rõ trong bản Quy trình thực hiện phép thử (SOP) do phòng thí nghiệm ban hành khi phê duyệt phương pháp. Các số liệu thu được đều được tính toán, xử lý theo kết quả phê duyệt phương pháp. Trong trường hợp kết quả phân tích không đáp ứng được yêu cầu phương pháp, tiến hành rà soát và tìm nguyên nhân gây ra sai số. Trên cơ sở đó quyết định có cần thực hiện lại phép thử hay không.

Trong quá trình xử lý số liệu và báo cáo kết quả: các tài liệu, hồ sơ về hoạt động quan trắc có liên quan đến quá trình quan trắc tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm được lập đầy đủ, trung thực và kịp thời. Tất cả các tài liệu, hồ sơ gốc về hoạt động quan trắc được lưu giữ và quản lý theo quy định. Trung thực với kết quả đo, thử tại hiện trường cũng như kết quả phân tích trong phòng thử nghiệm.

Việc lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường bảo đảm tính trung thực, kịp thời, chính xác và khách quan.

*** Kiểm soát chất lượng:**

Đối với việc kiểm soát chất lượng trong quá trình phân tích tại phòng thử nghiệm, tiến hành lấy các mẫu kiểm soát chất lượng bao gồm mẫu trắng, mẫu lặp, và mẫu thêm để kiểm soát hiện tượng nhiễm bẩn và biến đổi mẫu.

Kết quả đo đạc và thử nghiệm các thông số đã được kiểm soát chất lượng bao gồm các loại mẫu sau:

- Các thông số COD, Fe, N-NH₄⁺: mẫu trắng phương pháp, mẫu thêm và mẫu lặp hiện trường.

- Các thông số BOD₅, TSS, tổng Nitơ, tổng Photpho: mẫu trắng phương pháp, mẫu lặp hiện trường.

Đánh giá độ chụm của mẫu lặp hiện trường thông qua việc tính toán phần trăm sai khác tương đối của phép phân tích (RPD) theo công thức sau:

$$RPD\% = |X_1 - X_2| / (X_1 + X_2) / 2 * 100\%.$$

Tiêu chí chấp nhận là RPD < 30%.

Đánh giá mẫu thêm thông qua việc tính toán % thu hồi (R) theo công thức sau:

$$R = (F - I) / A * 100\%$$

Trong đó:

F là nồng độ tổng của mẫu đã thêm chuẩn;

I là nồng độ của mẫu thực;

A là nồng độ chuẩn thêm vào tính toán trên lý thuyết.

Tiêu chí chấp nhận đối với độ thu hồi là R nằm trong khoảng 80 đến 120%.

Đánh giá mẫu trắng thông qua việc đo đạc mẫu trắng và tiêu chí chấp nhận là giá trị đo mẫu trắng nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

Kết quả kiểm soát chất lượng trong phòng thí nghiệm được thể hiện qua việc đo các mẫu trắng, mẫu lặp, mẫu thêm. Kết quả đo đạc được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4. Kết quả phân tích mẫu QC phòng thí nghiệm đối với mẫu NT01

Thông số	Đơn vị	Mẫu thực	Mẫu lặp/đúp	RPD (%)	Nồng độ thêm	Kết quả	Độ thu hồi
COD	mg/L	50	53	5,8	50	102	104
BOD ₅	mg/L	22	25	12,8	-	-	-
TSS	mg/L	96	86	11,0	-	-	-
Tổng N	mg/L	18,5	20,6	10,7	-	-	-
N – NH ₄ ⁺	mg/L	5,52	5,82	5,3	5	9,95	89
Tổng P	mg/L	4,16	4,25	2,1	-	-	-
Fe	mg/L	1,07	0,98	8,8	0,50	1,53	92
Dầu mỡ khoáng	mg/L	1,5	1,40	6,9	-	-	-

*** Nhận xét:**

Kết quả đo đạc và thử nghiệm các mẫu QC cho thấy:

- Đối với mẫu trắng: giá trị đo mẫu trắng nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Đối với mẫu lặp: độ sai khác tương đối nằm trong khoảng từ 2,1 đến 12,8%.

- Đối với mẫu thêm: độ thu hồi nằm trong khoảng từ 89 đến 104%.

Như vậy, phương pháp đo đạc và thử nghiệm đối với các thông số quan trắc và các kết quả quan trắc thu được đều đạt yêu cầu.

CHƯƠNG IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Sau khi tiến hành quan trắc môi trường tại Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc – Kho Hải Phòng, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1. Hoạt động quan trắc được tiến hành trong điều kiện thời tiết thuận lợi, trong thời gian quan trắc trời nắng, độ ẩm trung bình và có gió nhẹ;

2. Hoạt động quan trắc, hoạt động sản xuất của kho Hải Phòng diễn ra bình thường;

3. Các mẫu không khí, tiếng ồn, nước thải được lấy theo đúng quy trình trong các tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng. Việc bảo quản mẫu và phân tích mẫu được tiến hành theo đúng phương pháp đã được tiêu chuẩn hóa và được thực hiện bởi các cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và nghiệp vụ cao;

4. Số lượng mẫu cần quan trắc được thực hiện bằng 100% số lượng mẫu dự kiến ban đầu. Do đó, kết quả của đợt quan trắc đảm bảo tính hoàn thiện của số liệu và phản ánh trung thực chất lượng môi trường khu vực quan trắc;

5. Kết quả đo đạc và thử nghiệm cho thấy:

- Thông số vi khí hậu tại khu vực sản xuất đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- Thông số ánh sáng tại khu vực sản xuất đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 22:2016/BYT: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

- Tất cả các thông số bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, NH₃ trong khu vực của kho Hải Phòng thỏa mãn giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc (TWA giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi không chứa silic tại nơi làm việc, đối với bụi hữu cơ và vô cơ không có quy định khác – Giới hạn tiếp xúc ca làm việc 8giờ/ngày) và QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (giới hạn tiếp xúc ca).

- Tất cả các thông số bụi lơ lửng, CO, SO₂ và NO₂ trong khu vực xung quanh kho Hải Phòng thỏa mãn giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ).

- Tiếng ồn trong khu vực sản xuất của kho Hải Phòng thỏa mãn giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- Tiếng ồn trong khu vực xung quanh kho Hải Phòng thỏa mãn giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn).

- Tất cả thông số đo đạc và thử nghiệm trong thành phần mẫu nước thải của kho Hải Phòng thỏa mãn giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Tổng hợp tình hình Công ty

Phụ lục 2. Tổng hợp kết quả quan trắc của tháng 5 năm 2025

Phụ lục 3. Biên bản quan trắc

Phụ lục 4. Phiếu kết quả thử nghiệm

PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

a. Sơ lược về Công ty

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam – số 167 đường Trung Kính – phường Yên Hòa - quận Cầu Giấy – TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0435378256

Fax: 0435378255

b. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh các sản phẩm phân bón và hóa chất sử dụng trong công - nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và thuốc bảo vệ thực vật);
- Kinh doanh nông, lâm sản và nguyên liệu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa;
- Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

**** Kho Hải Phòng***

- Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng
- Hoạt động kinh doanh: Kinh doanh phân bón và hóa chất
- Kho có sức chứa khoảng 8000 tấn
- Các loại chất thải phát sinh của kho Hải Phòng
 - + Các khí thải phát sinh từ hoạt động giao thông từ quá trình vận chuyển hàng hóa ra vào kho như CO, SO₂, NO_x, bụi, hơi xăng dầu.
 - + Khí thải phát sinh trong quá trình lưu kho phân bón như NH₃
 - + Môi trường nước: Nước thải phát sinh của kho Hải Phòng chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại kho, lưu lượng thải 1m³/ngày.đêm.
 - + Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là bao bì, giấy, vỏ, thức ăn thừa, dầu mẩu thuốc lá, vỏ hộp nước ngọt, túi nilon ...Các loại chất thải này được công nhân môi trường đô thị thu gom hàng ngày.

PHỤ LỤC 2. TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC THÁNG 5 NĂM 2025

Bảng PL2.1. Kết quả thử nghiệm thành phần không khí khu vực sản xuất

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			Tiêu chuẩn so sánh
			K01	K02	K03	
1	Nhiệt độ	°C	30	30	29	(1) 18 ÷ 32
2	Độ ẩm	%	74	74	75	(1) 40 ÷ 80
3	Ánh sáng	lux	146	154	786	(2) ≥ 100
4	Bụi toàn phần	mg/m ³	0,26	0,14	0,10	(3) 8
5	CO	mg/m ³	3,440	3,057	2,290	(4) 20
6	NO ₂	mg/m ³	0,380	0,376	0,253	(4) 5
7	SO ₂	mg/m ³	0,430	0,435	<0,262	(4) 5
8	NH ₃	mg/m ³	<0,01	<0,01	<0,01	(4) 17
9	Tiếng ồn	dBA	59	59	63	(5) 85

Bảng PL2.2. Kết quả thử nghiệm thành phần không khí khu vực xung quanh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả (K04)	Tiêu chuẩn so sánh
1	Bụi lơ lửng	µg/m ³	122	(6) 300
2	CO	µg/m ³	4.887	(6) 30000
3	NO ₂	µg/m ³	79	(6) 200
4	SO ₂	µg/m ³	94	(6) 350
5	Tiếng ồn	dBA	53	(7) 70

Bảng PL2.3. Kết quả thử nghiệm thành phần nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả (NT01)	QCVN 40:2011/ BTNMT (cột B)	
				C	C _{max}
1	Nhiệt độ	°C	28	40	40
2	pH	-	7,0	5,5-9	5,5-9
3	COD	mg/L	50	150	150
4	BOD ₅	mg/L	22	50	50
5	TSS	mg/L	96	100	100
6	Tổng N	mg/L	18,5	40	40
7	N – NH ₄ ⁺	mg/L	5,52	10	10
8	Tổng P	mg/L	4,16	6	6
9	Cd	mg/L	<0,009	0,1	0,1
10	Pb	mg/L	<0,03	0,5	0,5
11	Cu	mg/L	<0,035	2	2
12	Zn	mg/L	<0,06	3	3
13	Mn	mg/L	<0,035	1	1
14	Fe	mg/L	1,07	5	5
15	Hg	mg/L	<0,0004	0,01	0,01
16	As	mg/L	<0,0025	0,1	0,1
17	Dầu mỡ khoáng	mg/L	1,5	10	10
18	Coliform	MPN/100ml	2.700	5000	5000

PHỤ LỤC 3. BIÊN BẢN QUAN TRẮC



TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KHCN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THỦY

Địa chỉ: P 109 Nhà A5 - ĐINH SỐ 484 Lạch Tray - P. Kênh Dương- Q. Lê Chân- Hải Phòng
Tel: 0225.3828803 • Fax 0225.3736311 - Email: tcep.vimaru@gmail.com

Số: 250504



BIÊN BẢN
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Hải Phòng, ngày 11 tháng 5 năm 2025

BÊN A: Công ty cổ phần phân bón và hóa chất dầu khí miền Bắc

Ông (bà): Nguyễn Tuấn Anh Chức vụ: Nhân viên

Ông (bà): Chức vụ:

BÊN B: Trung tâm Đào tạo và Tư vấn KHCN bảo vệ môi trường thủy

Ông (bà): Phạm Thanh Túy Chức vụ: Nhân viên

Ông (bà): Chức vụ:

BÊN C: Công ty cổ phần công nghệ môi trường Hải Việt

Ông (bà): Nguyễn Văn Dũng Chức vụ: Nhân viên

Ông (bà): Chức vụ:

Các bên cùng đồng ý tiến hành một số công việc cụ thể như sau:

Trung tâm Đào tạo và Tư vấn KHCN bảo vệ môi trường thủy tiến hành quan trắc môi trường tại: Kho Hải Phòng

Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng.

Điện thoại theo những nội dung sau:

1. Nội dung chương trình quan trắc:

STT	Ký hiệu mẫu	Loại mẫu, vị trí đo đạc và lấy mẫu	Tọa độ		Ghi chú
			X(m)	Y(m)	
	K01	Kho số 1	2310002	589021	
	K02	Kho số 2	2319994	589043	
	K03	Khu vực trung chuyển	2310008	589054	
	K04	khu vực ngoài cổng kho Hải Phòng	2309947	589012	
	NT01	Nước thải tại điểm xả cuối cùng của kho Hải Phòng	2309946	589016	

2. Kết quả đo đạc tại hiện trường đối với mẫu nước:

Thiết bị quan trắc			TB.TCEP-	TB.TCEP-	TB.TCEP-	TB.TCEP-	TB.TCEP-	TB.TCEP-	TB.TCEP-
TT	Ký hiệu mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Nhiệt độ °C	pH -	Độ đục NTU	Độ dẫn ...S/cm	TDS mg/l	Độ mặn ‰	DO mg/l
1	NH01	TCVN 5922-1:2025	28	7,0					

Dụng cụ lấy mẫu nước:
 Điều kiện bảo quản mẫu:.....

3. Điều kiện thời tiết trong thời gian quan trắc:.....

4. Tình hình hoạt động:.....

5. Ý kiến khác:.....

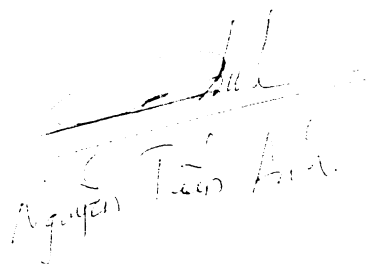
Việc quan trắc kết thúc vào hồi:.....giờ.....phút, ngày tháng năm

Biên bản được lập thành 03 bản với sự nhất trí thông qua của các bên tham dự./.

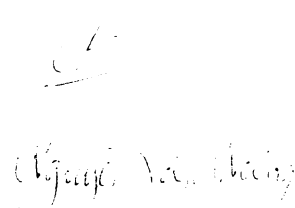
ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN C


 Nguyễn Văn Bình


 Nguyễn Văn Bình


 Nguyễn Văn Bình

PHỤ LỤC 4. PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN KHCN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THỦY
(VIMCERTS 094)

Địa chỉ: P109 Nhà A5 - Trường ĐH Hàng Hải VN - Số 484 Lạch Tray - Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3828803; Fax: 0225.3736311; Email: tcep.vimaru@gmail.com

Số: .../115.../2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng : Công ty cổ phần phân bón và hóa chất dầu khí miền Bắc – Kho Hải Phòng
Địa chỉ : Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải
Ngày lấy mẫu : 23/5/2025
Số vị trí lấy mẫu : 01

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả (NT01)	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT (cột B)	
					C	C _{max}
1	Nhiệt độ	°C	28	SMEWW 2550B:2017	40	40
2	pH	-	7,0	TCVN 6492:2011	5,5-9	5,5-9
3	COD	mg/L	50	SMEWW 5220C: 2017	150	150
4	BOD ₅	mg/L	22	SMEWW 5210 D: 2017	50	50
5	TSS	mg/L	96	SMEWW 2540D:2017	100	100
6	Tổng N	mg/L	18,5	TCVN 6638:2000	40	40
7	N – NH ₄ ⁺	mg/L	5,52	TCVN 6179-1:1996	10	10
8	Tổng P	mg/L	4,16	TCVN 6202:2008	6	6
9	Fe	mg/L	1,07	TCVN 6177:1996	5	5
10	Dầu mỡ khoáng	mg/L	1,5	SMEWW 5520 B&F:2017	10	10

Ghi chú:

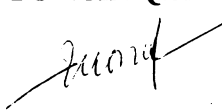
NT01: Nước thải tại điểm xả cuối cùng của kho Hải Phòng; Tọa độ: X: 2309946 Y: 589016.

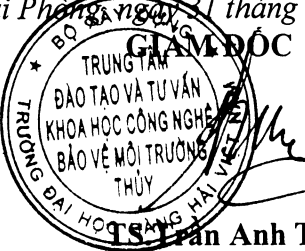
QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, áp dụng cột B đối với các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào các nguồn tiếp nhận là các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Áp dụng $C=C_{max}$ do nước thải của kho Hải Phòng thoát vào hệ thống cống thoát chung của khu vực.

KPH: Không phát hiện (kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp).

Hải Phòng, ngày 31 tháng 5 năm 2025

**TP. QUAN TRẮC - PHÂN TÍCH
VÀ TƯ VẤN QLMT**


Phạm Thị Dương


TS. Trần Anh Tuấn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.1041/12.06.2025_KQ

- Tên khách hàng : Trung tâm Đào tạo và tư vấn KHCN Bảo vệ môi trường thủy
- Địa chỉ : Số 484 đường Lạch Tray, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Công ty cổ phần phân bón và hóa chất dầu khí miền Bắc – Xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Không khí khu vực làm việc Số lượng mẫu: 03
- Ngày lấy mẫu : 23/05/2025
- Thời gian phân tích : 23/05/2025 đến ngày 12/06/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 03:2019/ BYT
				KK1	KK2	KK3	
1.	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	30	30	29	18-32 ⁽³⁾
2.	Độ ẩm	%		74	74	75	40-80 ⁽³⁾
3.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	59	59	63	85 ⁽²⁾
4.	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	146	154	786	≥300 ⁽⁴⁾
5.	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02:2019/ BYT (PL03)	0,26	0,14	0,10	8 ⁽¹⁾
6.	CO	mg/m ³	QCVN 03:2019 /BYT (PL50)	3,440	3,057	2,290	20
7.	SO ₂	mg/m ³		0,430	0,435	<0,262	5
8.	NO ₂	mg/m ³		0,380	0,376	0,253	5
9.	NH ₃	mg/m ³	QCVN 02:2019/ BYT (PL05)	<0,01	<0,01	<0,01	17

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + KK1: Mẫu khí khu vực kho số 1. Tọa độ: X(m)= 2310002; Y(m)= 589021.
- + KK2: Mẫu khí kho số 2. Tọa độ: X(m)= 2309994; Y(m)= 589043.
- + KK3: Mẫu khí khu vực trung chuyển. Tọa độ: X(m)= 2310008; Y(m)= 589034.

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- + ⁽¹⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- + ⁽³⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

- “-”: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

+ ⁽⁴⁾QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Không Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.1040/12.06.2025_KQ

- Tên khách hàng : Trung tâm Đào tạo và tư vấn KHCN Bảo vệ môi trường thủy
- Địa chỉ : Số 484 đường Lạch Tray, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Công ty cổ phần phân bón và hóa chất dầu khí miền Bắc – Xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 23/05/2025
- Thời gian phân tích : 23/05/2025 đến ngày 12/06/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (KK4)	QCVN 05:2023/ BTNMT
1.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	53	70 ⁽¹⁾
2.	Bụi lơ lửng	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5067:1995	122	300
3.	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	QT-PT.33	4.887	30.000
4.	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 5971:1995	94	350
5.	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	TCVN 6137:2009	79	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

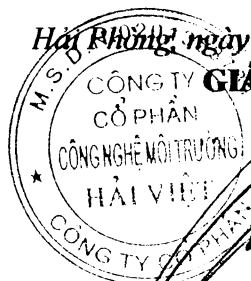
KK4: Mẫu khí khu vực ngoài cổng kho Hải Phòng. Tọa độ: X(m)=2309967; Y(m)=589012.

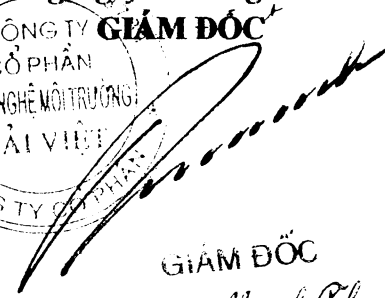
- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ);

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (từ 6h đến 21h).

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2025

 **GIÁM ĐỐC**



GIÁM ĐỐC
Khổng Minh Thanh

- “-”: Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.1042/12.06.2025_KQ

- Tên khách hàng : Trung tâm Đào tạo và tư vấn KHCN Bảo vệ môi trường thủy
- Địa chỉ : Số 484 đường Lạch Tray, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Mẫu do khách hàng gửi đến
- Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
- Ngày nhận mẫu : 23/05/2025
- Thời gian phân tích : 23/05/2025 đến ngày 12/06/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (NT01)
1.	As	mg/L	TCVN 6626:2000	<0,0025
2.	Hg	mg/L	SMEWW 3112B:2017	<0,0004
3.	Cd	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,009
4.	Pb	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,03
5.	Cu	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,035
6.	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,06
7.	Mn	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,035
8.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B: 2017	2.700

Ghi chú: Thông tin do khách hàng cung cấp:

NT01: Nước thải tại điểm xả cuối cùng của kho Hải Phòng - Công ty Cổ phần phân bón và hoá chất dầu khí miền Bắc.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2025



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Khổng Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty